

Số: 01 /QĐ-THCSTU

Tân Ước, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu – chi ngân sách đầu năm 2025 của trường THCS Tân Ước

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TÂN ƯỚC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 8668/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Thanh Oai. Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách nhà nước huyện Thanh Oai năm 2025.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu – chi ngân sách năm 2025 của trường THCS Tân Ước (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hiền

Đơn vị: Trường THCS Tân Ước
Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

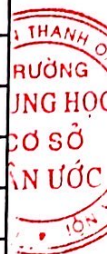
(Kèm theo biên bản công khai ngày 03 /01/2025 của trường THCS Tân Ước)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	148
1	Số thu phí, lệ phí	148
1.1	Lệ phí Học phí)	148
	Lệ phí (Học phí)	148
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	148
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	148
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	148
	* Kinh phí thực hiện CCTL 40%	59
	* Kinh phí để chi hoạt động 60%	89
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.416
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	



2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	4.416
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.416
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	



Ngày 03 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hiền